

# THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2005

*ThS. NGUYỄN THỊ VĂN ANH \**

## 1. Thực tiễn giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Luật doanh nghiệp

Trong các hình thức tổ chức kinh doanh thì công ty (trừ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) được hình thành trên cơ sở sự liên kết góp vốn của hai hay nhiều thành viên. Thủ tục góp vốn được thực hiện trên cơ sở định giá tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn. Nguyên tắc cơ bản của việc góp vốn thành lập công ty là: nhất trí, không được rút vốn trực tiếp và thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trên thực tế các công ty có thể nảy sinh hiện tượng góp vốn thực tế nhưng không có tư cách thành viên công ty và trường hợp thành viên công ty góp vốn không theo cam kết.

### 1.1. Trường hợp góp vốn thực tế

Góp vốn thực tế là trường hợp người góp vốn đã hoàn thành thủ tục góp vốn giữa thành viên và công ty, cụ thể, các bên đã ký kết hợp đồng góp vốn, đã chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty (đối với các tài sản pháp luật quy định phải đăng ký hoặc quyền sử dụng đất) hoặc đã ký biên bản giao nhận tài sản góp vốn (đối với tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu). Tuy nhiên, phía công ty đã không thực hiện những thủ tục

theo quy định của Luật doanh nghiệp. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, khi công ty nhận thêm vốn góp của thành viên mới hoặc khi có sự chuyển nhượng vốn góp giữa thành viên công ty cho người ngoài công ty thì công ty không tiến hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 26 Luật doanh nghiệp. Đối với công ty cổ phần, công ty không tiến hành đăng ký tên người đó trong sổ đăng ký cổ đông theo khoản 3 Điều 86. Hậu quả pháp lý là những cá nhân, tổ chức đã tiến hành góp vốn không có tư cách thành viên, cổ đông công ty. Các quy định của Luật doanh nghiệp chưa rõ ràng và không thừa nhận việc góp vốn thực tế. Khi phát sinh tranh chấp giữa công ty với các thành viên này thì quyền lợi của các thành viên công ty không được pháp luật đảm bảo.

Vụ án thứ nhất: Tranh chấp hợp đồng mua bán cổ phần do Toà án nhân dân tỉnh H. giải quyết như sau: Ngày 18/2/2005, công ty cổ phần L.X và ông Nguyễn Hoàng S. đã thoả thuận về việc ông S. nộp tiền vào công ty để mua 1.700 cổ phần của công ty với giá 300.000 đồng/cổ phần. Tổng cộng là 510.000.000 đồng. Ông S. đã nộp tiền vốn mua cổ phần vào công ty và công ty đã xuất

\* Giảng viên Học viện tư pháp

phiếu thu số 51/2 ngày 18/2/2005. Sau đó, công ty cổ phần L.X không chịu làm thủ tục công nhận ông S. là cổ đông của công ty, cụ thể là không ghi tên ông vào sổ đăng ký cổ đông. Do bất đồng về quan điểm hợp tác, cuối năm 2005, ông S. đã yêu cầu công ty hoàn trả số tiền là 510.000.000 đồng đã góp vào công ty. Công ty cổ phần L.X đã trả cho ông S. là 30.000.000 đồng tương ứng với 100 cổ phần, số còn lại công ty không đồng ý trả lại mà chỉ đồng ý để ông S. sang nhượng cổ phần. Ngày 1/8/2007, ông S. đã gửi đơn khởi kiện đến toà án có thẩm quyền với yêu cầu: 1) công ty cổ phần L.X hoàn trả ông tiền góp vốn còn thiếu là 480.000.000 đồng, tương ứng với 1.600 cổ phần; 2) tiền cổ tức trên số 1.600 cổ phần đã góp vào công ty trong thời gian 2 năm.<sup>(1)</sup>

Toà án nhân dân tỉnh H. đã nhận định như sau: cho đến nay (đến thời điểm tòa án giải quyết vụ án) ông Nguyễn Hoàng S. chưa phải là cổ đông của công ty cổ phần L.X vì công ty chưa ghi đầy đủ các thông tin cá nhân (tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân) của ông S. vào sổ đăng ký cổ đông của công ty theo khoản 3 Điều 87 Luật doanh nghiệp. Mặt khác, do công ty cổ phần L.X đã đồng ý trả lại tiền vốn cho ông S. theo yêu cầu của ông nên có thể coi như công ty đã thoả thuận với ông S. huỷ bỏ hợp đồng mua bán cổ phần giữa 2 bên, do đó công ty phải hoàn trả cho ông S. số tiền vốn đã nhận mà chưa hoàn trả là 480.000.000 đồng. Đối với yêu cầu đòi tiền cổ tức thì do ông S. chưa phải là cổ đông của công ty nên yêu cầu này không được chấp nhận. Toà án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu là buộc công ty cổ phần L.X

phải trả tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền là 480.000.000 đồng kể từ ngày công ty cổ phần L.X chấp nhận trả lại tiền góp vốn đến ngày xét xử theo mức lãi suất cơ bản hiện hành theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Vụ án trên đã đặt ra một số vấn đề cần phải suy nghĩ như sau:

*Một là* thực tế ông S. đã góp vốn vào công ty và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của cổ đông công ty.

*Hai là* quy định phải ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông chỉ là vấn đề thủ tục (tương tự như vậy, đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ là thủ tục và là hình thức công nhận từ phía Nhà nước đối với công ty trách nhiệm hữu hạn). Việc công ty chưa ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông không có nghĩa là phủ nhận hành vi góp vốn của ông S. và không làm thoả thuận góp vốn bị vô hiệu.

*Ba là* nguyên nhân của tình trạng này là do quy định của pháp luật mang tính hình thức, cứng nhắc. Quy định này đã không khuyến khích được cá nhân, tổ chức góp vốn vào kinh doanh. Các quyền lợi mà người góp vốn được hưởng với danh nghĩa là cổ đông của công ty như cổ tức, giá trị tăng lên của cổ phần (theo giá thị trường) có thể có đã không được bảo đảm.

*Bốn là* khi công ty cổ phần L.X không ghi tên ông S. vào sổ đăng ký cổ đông thì pháp luật doanh nghiệp chưa có cơ chế nào để bảo vệ quyền lợi của ông S. Ông S. có quyền gửi đơn khiếu nại hành chính đến cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc gửi đơn khởi kiện đến toà án có thẩm quyền buộc công ty L.X phải ghi tên ông S. vào sổ đăng ký cổ đông hay không? Trách nhiệm của ban giám

độc hoặc người có thẩm quyền như thế nào khi không đảm bảo quyền lợi cho những người góp vốn? Luật doanh nghiệp còn thiếu những quy định liên quan đến vấn đề này.

Vụ án thứ hai: Anh Long sở hữu 5000 cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng cổ phần Đ.A (Ngân hàng này không đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán). Ngày 18/8/2006, Anh Long ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu trên cho anh Hoàng. Theo thoả thuận trong hợp đồng, anh Hoàng có toàn quyền sở hữu số cổ phiếu và các quyền lợi liên quan đến số cổ phiếu trên; anh Long có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng, đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông khi Ngân hàng cổ phần Đ.A chốt danh sách cổ đông.

Thực hiện hợp đồng, anh Hoàng đã thanh toán tiền cho anh Long. Tuy nhiên, anh Long không thực hiện việc đăng ký chuyển nhượng cho anh Hoàng khi Ngân hàng cổ phần Đ.A chốt danh sách cổ đông.

Sau đó, Ngân hàng cổ phần Đ.A tăng vốn đợt 2 và chia cổ tức. Với 5000 cổ phiếu đã mua, người sở hữu được quyền mua thêm 4000 cổ phiếu ưu đãi và được chia cổ tức là 2000 cổ phiếu. Nhưng anh Long đã không báo việc này cho anh Hoàng mà làm thủ tục hưởng quyền lợi này. Giữa các bên phát sinh tranh chấp. Anh Hoàng đã làm đơn khởi kiện anh Long ra tòa với yêu cầu: 1) Yêu cầu anh Long hoàn trả 5000 cổ phiếu anh Hoàng đã mua mà anh Long chưa làm thủ tục chuyển nhượng; 2) Được hưởng quyền mua thêm 4000 cổ phiếu ưu đãi và 2000 cổ phiếu thưởng.<sup>(2)</sup>

Toà án đã nhận định như sau: Do anh Long chưa làm thủ tục đăng ký tên anh Hoàng vào danh sách cổ đông khi ngân hàng

cổ phần Đ.A chốt danh sách cổ đông nên anh Long vẫn là cổ đông của công ti theo khoản 5 Điều 88 và khoản 4 Điều 91 Luật doanh nghiệp. Các quyền lợi phát sinh đi kèm với cổ phiếu như quyền mua thêm cổ phần mới, quyền được chia cổ tức thuộc sở hữu của anh Hoàng. Tuy nhiên, lần đầu tiên một phán quyết của Toà án đã bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư bằng cách tuyên những quyền lợi của anh Hoàng được đảm bảo thông qua hợp đồng dân sự đã ký kết giữa 2 bên. Hợp đồng dân sự về việc chuyển nhượng cổ phiếu giữa anh Long và anh Hoàng là hợp pháp, anh Long phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng, đó là nghĩa vụ chuyển toàn bộ cổ phiếu và quyền lợi liên quan đến cổ phiếu như cổ tức cho anh Hoàng.

Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu của các công ti cổ phần (không đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán) hiện nay đã trở lên phổ biến mà vẫn gọi nôm na bằng “thị trường chợ đen” hoặc “thị trường chứng khoán trao tay”. Với quy định như trên của Luật doanh nghiệp thì khi các tranh chấp xảy ra liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp như trên thì quyền lợi của nhà đầu tư sẽ không được bảo đảm nếu các bên không có thoả thuận chặt chẽ trong hợp đồng mua bán, chuyển nhượng cổ phần.

### *1.2. Trường hợp không góp vốn theo cam kết*

Ngược lại với việc góp vốn thực tế nhưng không tiến hành đăng ký kinh doanh hoặc ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông thì việc không góp vốn theo cam kết là việc có đăng ký vốn góp tại cơ quan đăng ký kinh doanh để tạo thành vốn điều lệ của công ti nhưng không thực hiện việc góp vốn. Không góp vốn theo cam kết có thể có hai trường hợp:

trường hợp thứ nhất là chỉ cho mượn danh nghĩa, không góp một đồng vốn nào; trường hợp thứ hai là thành viên không thực hiện được nghĩa vụ góp vốn như đã cam kết. Đây là hiện tượng diễn ra rất phổ biến trong thực tiễn thi hành luật doanh nghiệp.

- Trường hợp mượn danh nghĩa người khác để hoàn tất thủ tục đăng kí kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Những người được mượn danh nghĩa có thể là bạn bè thân thiết hoặc những người cùng gia đình. Thành viên này “được cho” hoặc “thuê” đứng tên danh nghĩa với tỉ lệ góp vốn không đáng kể. Hệ quả của việc làm này là đã gây ra một số mâu thuẫn, tranh chấp giữa công ty và thành viên danh nghĩa, giữa thành viên thực tế và thành viên danh nghĩa liên quan đến vấn đề chia lợi nhuận, quản lí, chia tài sản của công ty khi công ty giải thể hoặc phá sản.

Vụ án thứ nhất: Để thành lập công ty cổ phần M.H có ngành nghề kinh doanh là sản xuất, buôn bán máy móc, trang thiết bị y tế, phòng khám đa khoa, ông Nghĩa và ông Linh đã “mượn” danh nghĩa của ông Hùng, một phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên môn giỏi, có chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh. Công ty cổ phần M.H được thành lập với người đại diện theo pháp luật là ông Nghĩa và các thành viên đã nhất trí số vốn “tượng trưng” của ông Hùng là 10% số vốn điều lệ và được bổ nhiệm làm giám đốc phòng khám. Ông Hùng đã kí vào bản cam kết góp vốn cũng như các giấy tờ thành lập công ty. Công việc kinh doanh không thu được lợi nhuận vì ông Hùng thường xuyên vắng mặt ở phòng khám, không điều hành công việc. Ông cũng có đơn xin rút tên ra khỏi phòng khám. Trước tình hình trên, công

ty cổ phần M.H đã khởi kiện ông Hùng ra toà án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo đúng cam kết nhằm ràng buộc trách nhiệm của ông Hùng đối với công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại toà án, ông Hùng cho rằng việc kí nhận góp 10% vốn điều lệ chỉ là thủ tục hành chính để mở công ty chứ không phải cam kết góp vốn của ông. Ông Hùng cũng cho rằng với chứng cứ là giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh có tên ông và sổ cổ phần ông sở hữu là ông đã mua sổ cổ phần đó. Tuy nhiên, ông không chứng minh được đã nộp tiền vào công ty, cụ thể không xuất trình được phiếu thu tiền của công ty, chưa có tên trong sổ đăng kí cổ đông. Toà án đã ra quyết định: xác nhận ông Hùng là cổ đông của công ty và chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn và buộc ông Hùng phải thực hiện nghĩa vụ của cổ đông.<sup>(3)</sup>

Vụ án thứ hai: Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Thiên L. thì năm 2003, ông có thành lập công ty TNHH T.H. Thành viên công ty gồm có ông Phạm Thiên L. và con trai ông là Phạm Quốc T. Vốn điều lệ của công ty là 500.000.000 đồng, ông L. góp 440.000.000 đồng, ông T. góp 60.000.000 đồng. Đến tháng 5/2006, công ty tăng vốn điều lệ lên 16.260.000.000 đồng. Theo biên bản họp hội đồng thành viên về việc tăng vốn điều lệ và giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh đã được thay đổi thì ông L. góp 14.308.800.000 đồng (chiếm 88%) và ông T. góp 1.951.200.000 đồng (chiếm 12%). Nhưng trên thực tế, toàn bộ số tiền vốn là do ông L. bỏ ra. Do có bất đồng về giải quyết các công việc, ông L. đã làm đơn khởi kiện ông T. đến toà án nhân dân tỉnh B. với yêu cầu:

1) Toà án xác định toàn bộ số vốn của công ty T.H là của ông L.

2) Xoá tên Phạm Quốc T. trong thành viên công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại toà án, ông T. khai rằng, giữa ông L. và ông có biên bản xác nhận phần vốn góp. Việc góp vốn này đã được công ty thừa nhận và đăng kí thay đổi tại cơ quan đăng kí kinh doanh.

Toà án nhận định như sau: ông Phạm Quốc T. là thành viên của công ty TNHH T.H và số vốn chiếm 12% vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh. Bác yêu cầu của ông Phạm Thiên L. về việc xác định toàn bộ số vốn điều lệ trong công ty là của ông L. và xoá tên ông T. trong thành viên công ty.<sup>(4)</sup>

Ông L. đã làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Toà án phúc thẩm đã nhận định như sau: Các chứng cứ mà ông T. cung cấp cho toà chỉ là các giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh của công ty và biên bản xác nhận phần vốn góp mà không có chứng cứ xác nhận đã góp vốn như chứng từ kế toán, phiếu thu tiền góp vốn, giấy chứng nhận vốn góp để chứng minh ông T. đã thực tế góp vào công ty là 1.951.000.000 đồng (Lần đầu là 60.000.000 đồng và lần 2 là 1.891.200.000 đồng). Ông L. cho rằng, do việc quy định của pháp luật, công ty phải có 2 thành viên trở lên nên ông đã ghi tên và phần vốn góp của ông T - là con trai ông nhằm mục đích chính là hợp thức hoá thủ tục thành lập công ty và thay đổi vốn điều lệ. Xét lời khai này của ông L. là có căn cứ bởi vì kể từ khi thành lập đến nay, ông T. không được công ty cấp biên lai phiếu thu tiền góp vốn, giấy chứng nhận góp vốn và không được chia lợi nhuận.

Toà án phúc thẩm tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thiên L., xác định ông Phạm Quốc T. không có phần vốn góp là 1.951.000.000 đồng. Việc xoá tên ông Phạm Quốc T. trong danh sách thành viên công ty sẽ do công ty TNHH T.H giải quyết theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Như vậy, qua 2 ví dụ thực tế trên thì những người cho mượn danh nghĩa góp vốn thực chất không góp vốn vào công ty nhưng lại có tư cách thành viên công ty theo quy định về hình thức - đã đăng kí kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được sự thừa nhận của pháp luật. Vậy khi giải quyết tranh chấp giữa thành viên thực tế và thành viên danh nghĩa sẽ căn cứ vào đâu? Căn cứ vào thoả thuận “lách” luật của các bên là chỉ cho mượn danh nghĩa hay là căn cứ vào hồ sơ pháp nhân của công ty là giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và điều lệ của công ty?

Trong việc giải quyết tranh chấp thứ nhất, liệu toà án có thể tuyên buộc một người phải thực hiện nghĩa vụ góp vốn không khi mà Luật doanh nghiệp đã cho phép công ty và thành viên tự xử lí theo khoản 3 Điều 84 Luật doanh nghiệp?

Đối với việc giải quyết tranh chấp thứ hai, nếu toà án căn cứ vào thoả thuận mà các bên đã sử dụng để “lách” luật thì liệu có dung túng cho những thoả thuận này không? Việc xác nhận ông T. chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn 1.951.000.000 đồng không đồng nghĩa với việc ông L. không phải thành viên của công ty TNHH T.H và xoá tên ông T. ra khỏi thành viên công ty. Quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên danh nghĩa và thành viên thực tế được giải quyết như thế nào cho thoả đáng khi có tranh chấp xảy ra?

- Trường hợp thành viên góp vốn không theo cam kết trong điều lệ hoặc trong biên bản góp vốn: Đây cũng là trường hợp thường xảy ra trên thực tế. Điều 39 Luật doanh nghiệp cho phép thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn được góp vốn theo cam kết, số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đối với công ty. Cổ đông sáng lập của công ty cổ phần phải thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vụ án thứ nhất: Thực tế đã phát sinh tranh chấp liên quan đến hiện tượng này như sau: Ông S. là thành viên công ty TNHH Phong Sơn. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ông Sơn có số vốn góp là 1.000.000.000 đồng, chiếm 25% vốn điều lệ của công ty. Nhưng ông S. trên thực tế mới góp được 200.000.000 đồng, số tiền còn lại được coi là khoản nợ của ông S. đối với công ty. Công ty kinh doanh có lãi và tiến hành chia lợi nhuận. Ông S. được Hội đồng thành viên công ty quyết định chia lợi nhuận trên số vốn góp đăng ký là 1.000.000.000 đồng. Một thành viên khác của công ty không đồng ý với quyết định trên đã khởi kiện ra toà án vì cho rằng ông S. chỉ được chia lợi nhuận trên số vốn góp là 200.000.000 đồng.

Như vậy, quyền lực (quản lý) và quyền lợi (kinh tế) của thành viên công ty được giải quyết như thế nào, căn cứ vào vốn đăng ký hay vốn thực tế góp?

Ngoài ra, khi phát hiện thành viên công ty hoặc cổ đông sáng lập không góp vốn theo đúng cam kết thì toà án có thể xử lý không?

Việc cổ đông sáng lập không góp đủ và đúng số cổ phần đăng ký mua tạo ra những

hệ quả không tốt với công ty. *Một là* nó tạo ra sự chênh lệch lớn giữa cơ cấu sở hữu theo cổ phần đã góp và cơ cấu sở hữu theo số cổ phần đăng ký góp. Điều này gây ra không ít các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ cổ đông của công ty. *Hai là* về bản chất, công ty đã bán chịu số cổ phần đó cho cổ đông theo mệnh giá cổ phần, như vậy, công ty đã mất đi cơ hội huy động vốn cổ phần để phát triển. *Ba là* nó có thể gây nhầm lẫn ảnh hưởng đến lợi ích của bên thứ ba. Vốn điều lệ thực tế đã phát hành có thể thấp hơn nhiều so với vốn điều lệ đăng ký, chính vì vậy chủ nợ và các bên liên quan thiết lập giao dịch với công ty có thể dựa trên thông tin không chính xác.

Tất cả những hệ quả trên là do vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp về việc yêu cầu cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua. Khi phát hiện vi phạm như vậy, toà án có thể ra quyết định để buộc các cổ đông đó góp đủ vốn không hoặc buộc họ phải chuyển nhượng cho các thành viên còn lại trong công ty hay toà án trả lại đơn kiện, không thụ lý vì cho rằng đây là việc trong nội bộ của doanh nghiệp tự xử lý? Có được thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý không? Theo quy định pháp luật hiện hành thì cơ chế thực hiện những vấn đề này hoàn toàn không có.

## 2. Một số đề xuất, kiến nghị

*Thứ nhất*, với quy định của Luật doanh nghiệp như hiện nay là chỉ thừa nhận việc góp vốn theo đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc sổ đăng ký cổ đông. Quy định này dẫn đến hệ quả là “buông lỏng” hành vi khai khống vốn của các doanh nghiệp và trong nhiều trường hợp không bảo vệ được quyền lợi của các thành viên, cổ đông thực tế.

Theo tôi, pháp luật doanh nghiệp phải thừa nhận việc góp vốn thực tế. Bởi vì việc chưa đăng kí tại cơ quan đăng kí kinh doanh hoặc ghi tên vào sổ đăng kí cổ đông không làm cho hợp đồng góp vốn giữa các bên bị vô hiệu hoặc xoá bỏ hành vi góp vốn giữa các bên. Thực tế đã có hành vi góp vốn của thành viên hoặc cổ đông cho công ti thì toà án phải công nhận quyền và nghĩa vụ thành viên trên phần vốn góp đó. Nếu toà án có đủ cơ sở để xác minh điều này như phiếu thu, chứng từ góp vốn... thì phải thừa nhận việc góp vốn thực tế để bảo vệ quyền lợi cho người góp vốn. Trường hợp đã góp vốn thực tế mà không được doanh nghiệp làm thủ tục công nhận tư cách thành viên thì nhà đầu tư có quyền khiếu nại đến cơ quan đăng kí kinh doanh yêu cầu giải quyết và những người có thẩm quyền của công ti trong việc thực hiện các thủ tục góp vốn sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân khi có thiệt hại xảy ra đối với nhà đầu tư.

*Thứ hai*, đối với trường hợp mượn danh nghĩa để thành lập công ti trách nhiệm hữu hạn, công ti cổ phần. Trên thực tế, người cho mượn danh nghĩa không góp vốn mà chỉ có tên trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, điều lệ công ti thì phải căn cứ vào thông tin trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh làm cơ sở để giải quyết. Dựa trên thông tin trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh để xác định đã đăng kí góp (mua) bao nhiêu phần vốn góp, cổ phần để toà án xác định nghĩa vụ của họ trong số vốn góp đó nhằm răn đe, hạn chế việc làm sai luật. Xác định cá nhân đó là thành viên, cổ đông của công ti để ràng buộc trách nhiệm của họ. Việc cá nhân đó chưa góp vốn thì công ti tự xử lí theo Luật doanh nghiệp bởi xét cho

cùng thoả thuận góp vốn thành lập công ti là thoả thuận dân sự. Khi công ti không tự xử lí được và có thiệt hại xảy ra thì có quyền yêu cầu toà án giải quyết.

*Thứ ba*, đối với trường hợp vi phạm nghĩa vụ góp vốn của thành viên, cổ đông, cụ thể là không góp vốn như cam kết, không góp vốn đúng tiến độ thì Luật doanh nghiệp phải có chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa hành vi vi phạm này. Người vi phạm nghĩa vụ góp vốn có được hưởng quyền và nghĩa vụ của thành viên công ti không? Luật doanh nghiệp nên có quy định thành viên, cổ đông trong công ti vi phạm nghĩa vụ góp vốn thì không được hưởng các quyền của thành viên công ti tương ứng với phần vốn góp. Luật doanh nghiệp cần có quy định bổ sung chế tài để xử lí các tình huống tương tự giúp toà án có cơ sở pháp lí vững chắc khi đưa ra các quyết định giải quyết vụ án.

Giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Luật doanh nghiệp một cách thoả đáng góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Việc giải quyết tranh chấp phải dựa trên cơ sở pháp luật vững chắc là Luật doanh nghiệp. Thực tiễn giải quyết tranh chấp cho thấy Luật doanh nghiệp vẫn còn “lỗ hổng” cần hoàn thiện để đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và chủ thể có liên quan./.

(1). Nguồn: Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (tác giả có biên tập lại).

(2). Nguồn: <http://VnExpress.net>

(3). Nguồn: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội (tác giả có biên tập lại).

(4). Nguồn: Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (tác giả có biên tập lại).